

KINH TẾ - XÃ HỘI

**QUAN HỆ THƯƠNG MẠI NHẬT - MỸ
NỬA CUỐI THẾ KỶ XX VÀ ĐẦU THẾ KỶ XXI**

Th.S. Nguyễn Tuấn Minh
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Khi nói đến quan hệ thương mại Nhật - Mỹ, người ta liên tưởng tới Hiệp định An ninh Nhật - Mỹ và Hiệp định Hoà bình San Francisco Nhật ký với Mỹ và các nước hữu quan khác hồi tháng 9 năm 1951. Trên quan điểm chính trị, đây được coi là cơ sở pháp lý để liên minh Nhật - Mỹ ra đời. Chính trên cơ sở này đã ra đời cái gọi là học thuyết Yoshida - tên gọi của Thủ tướng Nhật - ông Shigeru Yoshida - đại diện cho Nhật ký 2 hiệp định nói trên. Các nhà bình luận chính trị thời sự quốc tế cho rằng, học thuyết Yoshida thực chất là chính sách kinh tế - xã hội của Nhật sau năm 1951 - năm đồng minh trao trả nền độc lập cho Nhật dưới dạng quyền tự quản với sự bảo trợ của Mỹ.

Người ta cho rằng, đây là chỗ dựa để liên minh Nhật - Mỹ ngày càng gắn bó mật thiết với nhau và để quan hệ thương mại Nhật - Mỹ ngày càng phát triển. Hiệp định Hoà bình San Francisco không cho phép Nhật tự thực hiện các hành động quân sự, không cho phép Nhật liên minh quân sự với bất kỳ nước nào, ngay cả với các đạo quân Mỹ đang đồn trú trên đất nước Nhật; về mặt ngoại giao, Nhật cũng hoạt động dưới trướng của Mỹ.

Dù sao chăng nữa, sau khi Nhật được độc lập dưới dạng tự trị thì trong liên minh với Mỹ, Nhật có nhiều chủ động hơn trong các vấn đề phát triển

và khôi phục kinh tế sau chiến tranh. Đó là chưa kể liên minh Nhật - Mỹ, một mặt bảo đảm an ninh cho Nhật yên tâm làm ăn, khôi phục và phát triển kinh tế; mặt khác, khống chế và kiểm soát Nhật phát triển quân đội; do vậy cho phép Nhật tiết kiệm được chi phí quân sự, khiến cho số chi này chưa năm nào vượt quá 1% GDP của Nhật, tạo cho Nhật có nguồn tài chính dồi dào tập trung vào phục hồi đất nước sau Chiến tranh Thế giới thứ hai.

Nhưng tại sao Mỹ lại hỗ trợ Nhật như vậy, trong khi người ta vẫn nhớ lại trận ác chiến Trân Châu Cảng (ngày 7/12/1941), không quân Nhật bất ngờ ném bom chôn vùi hàng ngàn thủy quân lục chiến cùng các phương tiện chiến tranh hiện đại Mỹ dưới đáy biển Hawaii. Lúc đó, Mỹ đặt lên hàng đầu nhiệm vụ phải loại bỏ Nhật ra khỏi hàng ngũ những đối thủ giàu khả năng cạnh tranh chống lại Mỹ. Còn người dân Mỹ - nhất là dân quần đảo Hawaii có lẽ đến bây giờ vẫn không quên thảm hoạ Trân Châu Cảng cùng ngày đầu Nhật tuyên chiến với Mỹ làm hàng ngàn con em họ vĩnh viễn nằm dưới đáy biển cảng này.

Về thực chất, Mỹ đã loại bỏ được Nhật như là kẻ thù chống Mỹ và gắn chặt Nhật vào liên minh với Mỹ.

Đối với Mỹ việc liên minh với Nhật, một mặt sẽ tạo nên một đồng minh với nhiều hy vọng về chính trị, cùng

quan điểm lập trường với Mỹ trong các vấn đề hai bên cùng quan tâm trên các diễn đàn quốc tế; mặt khác, hy vọng Nhật sẽ trở thành đồng minh thân cận giúp Mỹ thiết lập phòng tuyến quân sự cùng Hàn Quốc chống chủ nghĩa Cộng sản (Liên Xô, Trung Quốc và Triều tiên) ở Đông Bắc Á.

Sau khi được độc lập dưới dạng tự quản, Nhật tổ chức lại bộ máy chính quyền, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới phương thức tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh; nhờ vậy nền kinh tế Nhật được khôi phục dần dần và bắt đầu có hàng hoá xuất khẩu sang Mỹ trong thập niên 50 và 60 của thế kỷ XX. Trong thời gian này, Nhật xuất khẩu sang Mỹ chủ yếu các mặt hàng công nghiệp nhẹ, nhiều nhất là hàng dệt may, trong đó phải kể đến áo khoác, băng mực đánh máy và nhiệt kế rẻ tiền. Năm 1956, Nhật mới xuất khẩu được cho Mỹ 16 ôtô. Đến cuối thập niên 60, Nhật bắt đầu đưa vào thị trường Mỹ sản phẩm của ngành công nghiệp truyền thanh (Radio).

Có thể nói rằng, đến giữa thập niên 70 của thế kỷ XX, quan hệ thương mại Nhật - Mỹ chưa có những xung đột đáng ngại cho các nhà doanh nghiệp Nhật vì hàng hoá Nhật chưa nhiều, còn thị trường nội địa được bảo hộ. Theo "Luật hối đoái và kiểm soát ngoại thương" Nhật ban hành năm 1949, hàng hoá nhập vào Nhật phải được phép trong hạn ngạch Nhật "cấp" cho Mỹ.

Đến giữa thập niên 50, do áp lực của Mỹ, Nhật mở rộng các hợp đồng tự nhân nhập khẩu các mặt hàng của Mỹ. Đầu thập niên 70, mức thuế quan của Nhật đã bằng mức thuế của Mỹ và EU; tới năm 1979 mức thuế nhập khẩu vào Nhật thấp nhất trong các nước công nghiệp. Lúc này Nhật chỉ còn giữ lại hạn ngạch nhập hàng nông sản của Mỹ và của các nước khác, vì Nhật cho rằng nông thôn là nền tảng

của văn hoá dân gian và truyền thống văn hoá dân tộc Nhật, vì vậy cần bảo vệ nông dân và hàng nông sản Nhật không bị hàng nhập khẩu cạnh tranh.

Từ nửa cuối thập niên 70 trở đi Nhật mới có nhiều mặt hàng xuất khẩu - chủ yếu là sang Mỹ. Riêng mặt hàng ôtô và phụ tùng ôtô Nhật bán cho Mỹ trong thời gian 1981-1988 trị giá khoảng 175,6 tỷ USD, nhưng Nhật chỉ mua ôtô và phụ tùng ôtô của Mỹ trị giá khoảng 2,5 tỷ USD; nghĩa là Mỹ nhập siêu của Nhật về mặt hàng này là 173,1 tỷ USD, tương đương 58,2 % tổng hạn ngạch buôn bán Nhật - Mỹ.

Mặc dù hiện nay, Nhật gánh vác khoảng 1/3 thâm hụt ngân sách Mỹ bằng cách mua trái phiếu kho bạc nhà nước Mỹ, đầu tư ngày càng nhiều vào nền kinh tế Mỹ, tạo điều kiện thuận lợi cho Mỹ phát triển sản xuất, tạo công ăn việc làm, ổn định xã hội; nhưng Mỹ vẫn buộc tội hàng hoá Nhật ngày càng lấn át hàng hoá Mỹ ngay trên thị trường Mỹ.

Lịch sử quan hệ hai nước sau chiến tranh có thấy, trong lần hội kiến giữa Thủ tướng Nhật và Ngoại trưởng Mỹ hồi năm 1954 (giữa ông Shigeru Yoshida và ông J. F. Dulles). Ngoại trưởng Mỹ cho rằng, hàng hoá Nhật không thể lọt được vào thị trường Mỹ vì chất lượng, kiểu dáng, mẫu mã hàng hoá Nhật chưa thể đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng Mỹ. Vì vậy, lúc đó ở Nhật xuất hiện luận thuyết cho rằng, trong khi các công ty, doanh nghiệp thế giới tìm mọi cách để moi tiền trong túi tiền của người tiêu dùng, thì tại sao các công ty, doanh nghiệp Nhật lại không tìm mọi cách đổi mới công nghệ, trang bị lại kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động, chất lượng công tác, đổi mới kiểu dáng, mẫu mã và hạ giá thành sản phẩm, làm cho hàng hoá Nhật có nhiều khả năng cạnh tranh với các mặt

hàng cùng loại của các nước khác trên thị trường thế giới để moi từng xu tiền trong túi tiền của người tiêu dùng.

Có lẽ từ nền công nghiệp quân sự bị chiến tranh tàn phá, Nhật chuyển sang nền kinh tế phục vụ tiêu dùng trong sinh hoạt hàng ngày dễ dàng đổi mới công nghệ, kiểu dáng, mẫu mã sản phẩm hơn các nước khác. Cho nên từ thập niên 70, tổng thâm hụt ngoại thương của Mỹ với Nhật là gần 34 tỷ USD, ở 10 năm sau - lên tới 324 tỷ USD, làm cho quan hệ thương mại Nhật - Mỹ căng thẳng hơn hồi thập niên 60 và 70 của thế kỷ XX. Mỹ cho rằng, Mỹ thâm hụt ngoại thương nhiều với Nhật như vậy chủ yếu là:

- Nhật dùng hàng rào thuế quan và các hạn ngạch nhập khẩu một số hàng hoá để bảo vệ sản xuất trong nước, do vậy hàng hoá của Mỹ và của các nước khác khó lọt được vào thị trường Nhật.

- Giá nhân công ở Nhật rẻ làm cho giá cả sản phẩm của Nhật thấp hơn giá hàng cùng loại của Mỹ, đã thế tỷ giá đồng Yên Nhật thấp hơn so với đồng USD, làm cho hàng hoá Nhật có nhiều khả năng cạnh tranh với các mặt hàng cùng loại của Mỹ ngay trên thị trường Mỹ.

Do vậy, Mỹ đòi Nhật phải:

Xoá bỏ mọi hạn ngạch nhập khẩu và các rào cản thuế quan để hàng hoá Mỹ và nước ngoài lọt vào Nhật không bị hạn chế ở bất kỳ góc độ nào: như Mỹ đã mở cửa nhập hàng của Nhật.

Cải cách và mở cửa thị trường, tự do hoá thương mại, như Nhật cam kết khi xin gia nhập WTO, kể cả phải nâng tỷ giá đồng Yên so với đồng USD.

Mặc dù Nhật chấp nhận yêu cầu của Mỹ, thực hiện nguyên tắc thị trường mở, nhưng thị trường Nhật vẫn chưa được mở cửa thực sự như ý muốn của Mỹ, vì Nhật dùng thủ tục thuế quan phức tạp và dùng rào cản

kỹ thuật để hạn chế hàng ngoại nhập - trong đó có hàng hoá Mỹ.

Trở ngại lớn nhất cho hàng ngoại nhập vào Nhật là: xã hội Nhật là xã hội khép kín, là sự phức tạp của chế độ quan liêu do chủ nghĩa quân phiệt để lại và hàng rào ngôn ngữ. Cũng cần nói rằng, tuy Mỹ phê phán, buộc tội Nhật không mở cửa nhập hàng Mỹ, nhưng chính Mỹ cũng có lúc không đáp ứng yêu cầu cung cấp hàng cho Nhật. Người ta nhớ rằng, đã có thời gian Nhật yêu cầu Mỹ cung cấp cho thị trường Nhật loại ô tô tải nhỏ, trọng tải không lớn để phù hợp với mặt đường nhỏ, hẹp của Nhật, nhưng Mỹ không đáp ứng được yêu cầu này.

Tranh cãi Mỹ - Nhật xung quanh vấn đề mở cửa thị trường Nhật thường đi đến ngõ cụt, vì quan điểm hai bên khác nhau và vì hai bên không hiểu hết nội tình, đặc điểm của nhau. Ở đây Nhật chấp nhận huỷ bỏ hạn ngạch và các rào cản thuế quan, nhưng lại không dấn động gì đến nguyên tắc thị trường mở, còn Mỹ muốn Nhật mở cửa thị trường như Mỹ đã mở cửa cho hàng hoá Nhật vào Mỹ.

Các nhà kinh tế cho rằng, nguyên nhân Mỹ thâm hụt ngoại thương với Nhật là do: Đồng Yên mất giá so với đồng USD, vì vậy hàng hoá Nhật có nhiều khả năng cạnh tranh trên thị trường Mỹ. Còn hàng hoá của Mỹ cũng vì thế mà không có khả năng cạnh tranh với hàng hoá Nhật trên thị trường Nhật. Do vậy, Mỹ yêu cầu Nhật mở cửa thị trường tài chính Nhật để tạo thuận lợi cho giao thương quốc tế. Nhật chấp nhận yêu cầu này, đã tự do hoá thị trường tài chính. Năm 1985, Nhật đã nâng tỷ giá đồng Yên lên 30% so với đồng USD làm cho các công ty xuất khẩu hàng cho Mỹ phải kén chọn những mặt hàng Mỹ có nhiều nhu cầu để có thể không bị giám sát thu nhập...

Do Nhật thực hiện chính sách tỷ giá linh hoạt, cải tiến công tác quản lý, hợp lý hoá được các khoản chi hành chính - quản trị, cho nên thu nhập của các doanh nghiệp xuất khẩu không bị giảm, mà đôi khi còn tăng được kim ngạch xuất khẩu.

Trước năm 1980, Nhật đầu tư vào Mỹ mỗi năm khoảng 5 tỷ USD, chủ yếu để giải ngân cho những dự án của Mỹ khai thác vật tư, nguyên liệu ở Indonesia, Australia và Brazil phục vụ phát triển kinh tế Mỹ và để Mỹ xây dựng các công ty lắp ráp phụ tùng do các doanh nghiệp Mỹ làm ra ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương thành sản phẩm hoàn chỉnh rồi lại bán cho khu vực này.

Nếu giữa thập niên 80 về trước, thâm hụt ngoại thương của Mỹ với Nhật được coi là vấn đề căng thẳng hàng đầu trong quan hệ thương mại Nhật - Mỹ, thì từ giữa thập niên 80 về sau, gay cấn hàng đầu trong quan hệ đối ngoại giữa Mỹ và Nhật lại là vấn đề Mỹ buộc tội Nhật lén lút mua bất động sản và một số doanh nghiệp Mỹ, gây khó khăn cho Mỹ trong việc quản lý nền kinh tế, quản lý các nguồn thu ngân sách.

Chính sách khuyến khích đầu tư của Mỹ ở thập niên 80 đã tạo cơ hội thuận lợi cho Nhật đầu tư vào Mỹ. Nếu vào cuối năm 1980, tổng vốn đầu tư của Nhật vào Mỹ là 26.3 tỷ USD, thì cuối năm 1983 lên tới 284,8 tỷ USD, chiếm 15,9% tổng GDP vào Mỹ.

Đến đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, kinh tế Nhật có dấu hiệu không bình thường, thu nhập trên thị trường chứng khoán tăng nhanh, góp phần làm tăng giá địa ốc, tăng tình trạng đầu cơ trên thị trường chứng khoán. Trong thời gian 1986-1990 chỉ số Nikkei trên thị trường chứng khoán Tokyo tăng 3 lần. Cuối cùng sự phồn

vinh giả tạo của nền kinh tế Nhật thông qua tăng ảo chỉ số Nikkei bị vỡ lở, nền tài chính bong bóng bị xì hơi, làm cho kinh tế Nhật lâm vào suy thoái, trì trệ, nhiều thủ tướng Nhật phải từ chức khi chưa hết nhiệm kỳ vì không đưa được nền kinh tế Nhật thoát khỏi suy thoái. Mãi đến thời ông Koizumi lên làm thủ tướng năm 2002 - 2006, nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới này mới phục hồi trở lại: có nghĩa là thâm hụt ngoại thương của Mỹ với Nhật lại bắt đầu tăng lên, nhưng không nhiều bằng thâm hụt ngoại thương của Mỹ với Trung Quốc.

Ví dụ, năm 2006 thâm hụt ngoại thương của Mỹ với Nhật là 88.4 tỷ USD, chiếm 7,2% tổng thâm hụt ngoại thương của Mỹ, còn của Mỹ với Trung Quốc là 232.5 tỷ USD chiếm 28%. Do vậy, căng thẳng quan hệ ngoại thương Mỹ và Nhật trước đây nay chuyển sang giữa Mỹ và Trung Quốc. Lúc này trong buôn bán với Mỹ, Nhật kém EU, Trung Quốc, Canada và Mexico; còn trong buôn bán với Nhật, Mỹ đứng đầu về tổng kim ngạch xuất khẩu cho Nhật (chiếm 34,4%), đứng thứ 2 về tổng kim ngạch nhập khẩu của Nhật (chiếm 12,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của Nhật). Sự suy giảm kinh tế Nhật và tăng thâm hụt ngoại thương của Mỹ với Trung Quốc đã hoà giải phần nào quan hệ Mỹ - Nhật trong lĩnh vực ngoại thương.

Các nhà bình luận kinh tế thế giới cho rằng, mọi phân tích triển vọng phát triển quan hệ ngoại thương Mỹ - Nhật đều phải tính đến lợi ích kinh tế qua lại giữa hai nước này. Vì ngoài những lý do chính trị, quân sự thì kinh tế cũng là nhân tố quan trọng củng cố liên minh Nhật - Mỹ trong thời gian qua và trong tương lai ■

Xem Quan hệ Nhật - Mỹ trong thời gian qua. Theo tạp chí Mỹ và Canada - số 7/2008.

Bài viết tham gia Đề tài KX.01.03/06-10.